

Bản án số: 19/2026/HS-ST
Ngày 10-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Khoan.

Ông Phan Văn Trường.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hợi, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2026 đối với bị cáo:

Hứa Văn L (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 28 tháng 9 năm 1990 tại xã H, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số 020090004942, cấp ngày 25/6/2021, nơi cấp: Cục C1 - Bộ C2. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Văn P, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1955 (đã chết); vợ Lâm Thị G, sinh năm 1992 và 02 người con, con lớn sinh năm 2023 và con nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án hình sự, xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam tại P trại tạm giam B – Trại tạm giam Công an tỉnh L từ ngày 06/10/2025 đến nay. Có mặt.

* **Bị hại:** Anh Hứa Đức T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

* **Người làm chứng:**

1. Bà Ma Thị C. Có mặt.

2. Ông Hứa Thanh K. Có mặt.

3. Ông Hứa Hữu T1. Có mặt.

4. Chị Lâm Thị Gia . Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút, ngày 05/10/2025, bị cáo Hứa Văn L trên đường đi làm về qua nhà của anh Hứa Đức T, sinh năm 1990, trú cùng thôn, L thấy cây mắc mật nhà mình bị cháy xém một phần nên có hỏi T “*ai đốt chỗ cỏ này*” thì Hứa Đức T trả lời “*tao đốt*”, nghe vậy bị cáo Hứa Văn L nói tiếp “*đốt kiểu gì mà cháy lên cả cây mắc mật nhà người ta*” sau đó giữa hai người có lời qua tiếng lại, thách thức nhau, do bức tức vì cây mắc mật nhà mình bị đốt nên bị cáo Hứa Văn L về nhà, đi lên gác xếp lấy một khẩu súng dài 106,9cm, trên thân súng có số 733, có sẵn 01 viên đạn trong rãnh súng, rồi quay lại khu vực lán nhà Hứa Đức T với mục đích đe dọa Hứa Đức T. Lúc này, bà Ma Thị C, sinh năm 1977, trú tại thôn N, xã H, tỉnh Lạng Sơn đang ở nhà thấy bị cáo Hứa Văn L cầm theo khẩu súng thì đuổi theo và hô to “*chú L làm gì đấy*”, trên đường đi Hứa Văn L vừa đi vừa nạp đạn vào súng, khi đến chỗ cây mắc mật, bị cáo Hứa Văn L đứng ở vị trí trên cao, nhìn xuống dưới là lán của nhà Hứa Đức T, bị cáo giờ súng về phía Hứa Đức T (lúc đó Hứa Đức T đang đứng ở phía dưới ta luy, vị trí thấp hơn vị trí đứng của bị cáo Hứa Văn L, cách chỗ của bị cáo Hứa Văn L khoảng 15 mét), thân súng vuông góc với thân người của Hứa Văn L, nòng súng hướng qua mái nhà phía sau vị trí đứng của Hứa Đức T (phía sau nhà là khu ruộng không có người và nhà cửa) để khi bắn thì đạn vượt qua mái nhà không trúng Hứa Đức T và những người khác, nghe tiếng hô to của bà Ma Thị C, Hứa Đức T quay lại và nhìn thấy bị cáo Hứa Văn L cầm súng hướng về mình (do sự việc xảy ra nhanh, bản thân Hứa Đức T đứng ở vị trí thấp hơn bị cáo nên Hứa Đức T không xác định được bị cáo hướng nòng súng lên trên hay xuống dưới hướng vào người T), lo sợ bị bị cáo Hứa Văn L bắn trúng Hứa Đức T đã ngay lập tức ngồi xuống người ép người vào ta tuy, sau đó bị cáo dùng tay trái cầm ốp lót tay súng, tay phải để ở cò súng rồi giờ súng hướng về phía Hứa Đức T và bóp cò, nổ súng, đạn vượt qua mái nhà. Sau khi sự việc xảy ra, Hứa Đức T chạy về phía nhà xây, còn bà Ma Thị C can ngăn và đưa bị cáo về sân nhà ông Hứa Hữu T1, sinh năm 1958, trú tại thôn N, xã H, tỉnh Lạng Sơn, tại đây bà Ma Thị C giật lấy súng từ tay bị cáo và đập mạnh khẩu súng xuống nền sân, làm cho phần thân và nòng súng lệch ra khỏi báng, sau đó bị cáo cầm súng mang về cất giấu ở chuồng trâu phía sau nhà của bị cáo.

Tại bản kết luận giám định số 920/KL-KTHS ngày 14/10/2025 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh L kết luận:

“1. Khẩu súng dài 106,9cm gửi giám định là súng tự chế bắn được loại đạn quân dụng cỡ 7,62x39mm; thuộc vũ khí quân dụng theo điểm g, khoản 2, Điều 2, Luật số 42/2024/QH15, ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam về Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Hiện tại, khẩu súng này vẫn còn sử dụng để bắn được.”

2. Khẩu súng dài 80cm gửi giám định là súng tự chế bắn được loại đạn cỡ 5,6mm; thuộc vũ khí quân dụng theo điểm g, khoản 2, Điều 2, Luật số 42/2024/QH15, ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam về Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Hiện tại, khẩu súng này vẫn còn sử dụng để bắn được.

3. Khẩu súng dài 117cm gửi giám định là súng tự chế bắn được loại đạn quân dụng cỡ 7,62x39mm; thuộc vũ khí quân dụng theo điểm g, khoản 2, Điều 2, Luật số 42/2024/QH15, ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam về Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Hiện tại, khẩu súng này vẫn còn sử dụng để bắn được.

4. Trong số 38 viên đạn bằng kim loại, mỗi viên dài 7,9cm gửi giám định có:

- 37 viên đạn là đạn quân dụng cỡ 7,92x57mm.

- 01 viên đạn là đạn quân dụng cỡ 8x56mmR.

Cả hai loại đạn này đều không thể sử dụng để bắn cho cả ba khẩu súng gửi giám định

5. 13 viên đạn bằng kim loại, mỗi viên dài 7,5cm gửi giám định đều là đạn quân dụng cỡ 7,62x54mmR. Loại đạn này không thể sử dụng để bắn cho cả ba khẩu súng gửi giám định.

6. 80 viên đạn bằng kim loại, mỗi viên dài 5,6cm gửi giám định đều là đạn quân dụng cỡ 7,62x39mm. Loại đạn này sử dụng để bắn được cho khẩu súng dài 106,9cm và khẩu súng dài 117cm gửi giám định nhưng không thể sử dụng để bắn cho khẩu súng dài 80cm gửi giám định.

7. 02 viên đạn bằng kim loại, mỗi viên dài 3,5cm gửi giám định đều là đạn quân dụng cỡ 7,62x25mm. Loại đạn này không thể sử dụng để bắn cho cả ba khẩu súng gửi giám định.

8. 03 viên đạn bằng kim loại, mỗi viên dài 2,5cm gửi giám định đều là đạn cỡ 5,6x15,5mm, thuộc vũ khí quân dụng theo điểm g, khoản 2, Điều 2, Luật số 42/2024/QH15, ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam về Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ. Loại đạn này sử dụng để bắn được cho khẩu súng dài 80cm gửi giám định nhưng không thể sử dụng để bắn cho khẩu súng dài 106,9cm và khẩu súng dài 117cm gửi giám định.

9. 01 vỏ đạn bằng kim loại nằm trong buồng đạn của khẩu súng dài 106,9cm gửi giám định là vỏ của loại đạn quân dụng cỡ 7,62x39mm.

10. 04 vỏ đạn bằng kim loại, mỗi vỏ dài 5,2cm gửi giám định đều là vỏ của loại đạn quân dụng cỡ 7,62x54mmR.

11. 34 vỏ đạn bằng kim loại, mỗi vỏ dài 2,4cm gửi giám định đều là vỏ của loại đạn quân dụng cỡ 7,62x25mm.

12. 01 vỏ đạn bằng kim loại dài 4,2cm gửi giám định là vỏ của loại đạn quân dụng cỡ 7,62x54mmR đã bị cắt ngắn phần miệng vỏ đạn.

13. 01 vỏ đạn bằng kim loại dài 3,8cm gửi giám định là vỏ của loại đạn quân dụng cỡ 7,62x39mm.”

Tại bản kết luận giám định số 970/KL-KTHS ngày 02/11/2025 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh L kết luận: “Vỏ đạn nằm trong buồng đạn của khẩu súng dài 106,9cm gửi giám định là do khẩu súng này bắn ra”.

Tại bản kết luận giám định số 8444 ngày 25/11/2025 của V Bộ C2 kết luận: 300g các hạt bột màu đen thu được là thuốc phóng NC (nitroxenlulo), có khối lượng là 300g (Ba trăm gam), thuộc nhóm vật liệu nổ, thường được dùng làm liều phóng trong các loại đạn và còn sử dụng được.

Đối với hành vi tàng trữ sử dụng trái phép vũ khí quân dụng của bị cáo Hứa Văn L, cơ quan điều tra đã tách ra điều tra vụ án khác.

Tại Bản cáo trạng số 36/CT-VKS-KV3 ngày 30/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn truy tố bị cáo Hứa Văn L về tội Đe dọa giết người theo khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự.

Bị hại anh Hứa Đức T có đơn xin giải quyết vắng mặt và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Vật chứng của vụ án gồm: Toàn bộ số vật chứng gồm 03 khẩu súng, 134 viên đạn bằng kim loại, 40 vỏ đạn bằng kim loại và 300 gam bột màu đen, ngày 30/12/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã chuyển cho Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L để xử lý đối với hành vi phạm tội khác của bị cáo Hứa Văn L.

Tại phiên tòa, bị cáo Hứa Văn L khai nhận, hành vi đe dọa giết người như Cáo trạng truy tố ra trước Tòa là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hứa Văn L phạm tội Đe dọa giết người:

Áp dụng khoản 1 Điều 133; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hứa Văn L từ 08 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 06/10/2025).

Về vật chứng: Không xem xét trong vụ án này.

Về án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị hại anh Hứa Đức T, người làm chứng chị Lâm Thị G được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa. Bị hại Hứa Đức T, người làm chứng chị Lâm Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy bị cáo yêu cầu xử vắng mặt; mặt khác trong hồ sơ Cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai những người này, bị cáo cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội. Việc vắng mặt bị hại, người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; do đó căn cứ khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa bị cáo Hứa Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và cũng phù hợp với các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 05/10/2025, tại khu vực lán của nhà bị hại Hứa Đức T ở thôn N, xã H, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Hứa Văn L có hành vi dùng súng tự chế bắn, đạn vượt qua mái nhà với mục đích đe dọa Hứa Đức T, không có mục đích khác, làm cho Hứa Đức T bị hoang mang, lo sợ. Qua giám định khẩu súng dài 106,9cm trên thân súng có số 733 là súng tự chế, bên trong buồng đạn có chứa một vỏ đạn bằng kim loại, vỏ đạn nằm trong buồng đạn của khẩu súng gửi giám định là do khẩu súng này bắn ra. Vì vậy, có căn cứ xác định bị cáo Hứa Văn L phạm tội Đe dọa giết người quy định tại khoản 1 Điều 133 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền được bảo vệ tính mạng, quyền được sống của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đe dọa giết người là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi đó cần phải được xử nghiêm minh trước pháp luật.

[5] Về nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án hình sự, xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật. Do đó, bị cáo có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo là dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là các tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với hành vi bị cáo Hứa Văn L sử dụng 01 khẩu súng dài 106,9cm, trên thân súng có số “733” thực hiện hành vi nạp một viên đạn vào buồng đạn, bóp cò khiến súng nổ, vỏ đạn vẫn kẹt trong buồng đạn. Qua trung cầu giám định xác định khẩu súng thuộc vũ khí quân dụng. Còn đối với các tang vật còn lại trong quá trình khám xét gồm súng, vỏ đạn, đạn, một túi màu nâu đỏ bên trong đựng các hạt, bột màu đen (nghỉ là vật liệu nổ). Kết quả giám định xác định các khẩu súng, đạn đều là vũ khí quân dụng; nhóm vật liệu nổ. Do đó, bị cáo Hứa Văn L có dấu hiệu của tội Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng theo quy định tại Điều 304 Bộ luật hình sự và tội Tàng trữ trái phép vật liệu nổ theo quy định tại Điều 305 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, theo nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan An ninh điều tra cấp tỉnh thì cần phải tách hành vi Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng và Tàng trữ sử dụng trái phép vật liệu nổ và các đồ vật, tài liệu, vật chứng liên quan không thuộc thẩm quyền của cơ quan Cảnh sát điều tra và chuyển toàn bộ hồ sơ, tài liệu, vật chứng cho cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L để điều tra theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xem xét hành vi Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng và Tàng trữ sử dụng trái phép vật liệu nổ của bị cáo trong vụ án này.

[10] Về vật chứng: Toàn bộ số vật chứng gồm 03 khẩu súng, 134 viên đạn bằng kim loại, 40 vỏ đạn bằng kim loại và 300 gam bột màu đen, ngày 30/12/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã chuyển cho Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L để xử lý đối với hành vi phạm tội khác của bị cáo Hứa Văn L nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[11] Căn cứ theo Điều 135; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo là dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ cho bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt cũng như các vấn đề khác đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 133; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào Điều 135; Điều 136; Điều 262; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Hứa Văn L phạm tội Đe dọa giết người.

Xử phạt bị cáo Hứa Văn L 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/10/2025.

2. Về án phí: Bị cáo Hứa Văn L được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Hiệt